

BÁO CÁO | NGÀNH NGÂN HÀNG
QUÝ 2/2026



ĐIỂM NHÌN TỪ BẢNG CÂN ĐỐI

Tháng 9/2026

- ✓ **Tín dụng tăng tốc, chính sách điều hành linh hoạt hơn.** Tín dụng cải thiện mạnh sau Q1 và bám sát kỳ vọng, trong khi NHNN chuyển dần sang điều hành linh hoạt theo lĩnh vực và mục đích sử dụng vốn, tạo thêm dư địa tăng trưởng.
- ✓ **Huy động cải thiện nhưng cạnh tranh nguồn vốn còn gay gắt.** Tiền gửi bắt kịp tín dụng về tốc độ tăng trưởng, song khoảng cách cho vay – huy động vẫn lớn, khiến các ngân hàng tiếp tục phải cạnh tranh nguồn vốn và duy trì lãi suất huy động cao.
- ✓ **Thanh khoản ngắn hạn hạ nhiệt, nhưng rủi ro nguồn vốn chưa được giải quyết.** Lãi suất liên ngân hàng giảm mạnh trong tháng 8 nhờ điều tiết thanh khoản của NHNN. Tuy nhiên, áp lực cân đối nguồn vốn ổn định vẫn hiện hữu khi tín dụng tiếp tục tăng nhanh.
- ✓ **Rủi ro chênh lệch kỳ hạn phân hóa rõ.** Một số ngân hàng sử dụng tỷ trọng lớn nguồn vốn ngắn hạn để tài trợ tín dụng trung dài hạn, làm gia tăng nhu cầu tái tạo nguồn vốn và áp lực thanh khoản, đặc biệt khi mặt bằng lãi suất biến động.
- ✓ **Nợ xấu tiềm ẩn tiếp tục tích tụ.** NPL toàn ngành đi ngang nhưng nợ nhóm 2 tăng, cho thấy chất lượng tài sản chưa thực sự cải thiện. Nghị định 359 mở rộng công cụ xử lý nợ, nhưng chưa làm thay đổi áp lực hình thành nợ xấu trong ngắn hạn.
- ✓ **Áp lực vốn gia tăng cùng tăng trưởng tài sản.** Tín dụng tăng nhanh, đặc biệt tại các ngân hàng có danh mục tập trung vào bất động sản và dịch vụ tài chính, làm gia tăng RWA và yêu cầu bổ sung vốn để duy trì CAR.
- ✓ **COF tăng, NIM khó phục hồi mạnh.** Cuộc đua huy động và xu hướng CASA suy giảm tiếp tục đẩy chi phí vốn lên cao, trong khi dư địa tăng lãi suất cho vay hạn chế. NIM vì vậy sẽ tiếp tục phân hóa giữa các ngân hàng.
- ✓ **Cơ cấu thu nhập ngày càng quyết định chất lượng tăng trưởng.** Tăng trưởng lợi nhuận 6T/2026 tích cực nhưng phân hóa rõ. Các ngân hàng có nguồn thu ngoài lãi đa dạng có khả năng giảm phụ thuộc vào NIM, trong khi lợi thế NIM cao từ tài chính tiêu dùng đi kèm rủi ro chất lượng tài sản.

BỐI CẢNH &

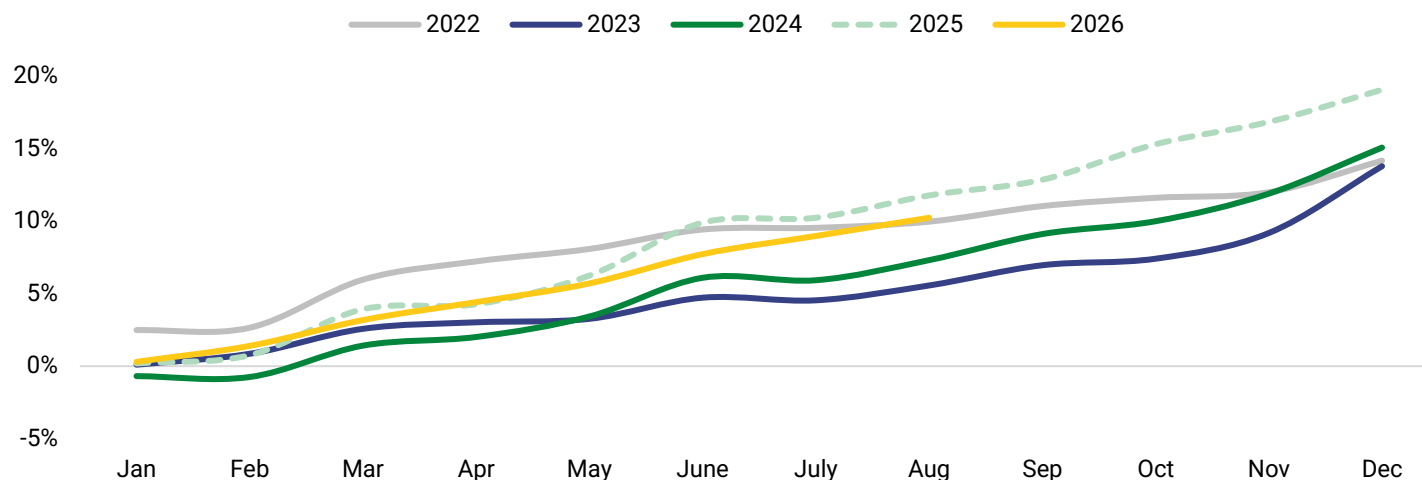
CHÍNH SÁCH



Tăng trưởng tín dụng bám sát kỳ vọng của chúng tôi.

Sau giai đoạn tăng trưởng chậm trong Q1/2026, tín dụng toàn hệ thống đã tăng tốc rõ rệt trong Q2, đạt 7.73% tại cuối tháng 6. Đà tăng tiếp tục được duy trì trong những tháng đầu Q3 khi tăng trưởng tín dụng đạt 8.97% vào cuối tháng 7 và 10.24% tại ngày 28/8. Diễn biến này cho thấy tốc độ mở rộng tín dụng trong năm 2026 đang đi theo kịch bản chúng tôi xây dựng từ đầu năm, với mức tăng trưởng được cải thiện đáng kể sau Q1. Đồng thời, tốc độ tăng tín dụng trong Q2 và hai tháng đầu Q3 cho thấy nhịp giải ngân đã được các NHTM đẩy nhanh.

Tăng trưởng dư nợ tín dụng toàn hệ thống ngân hàng



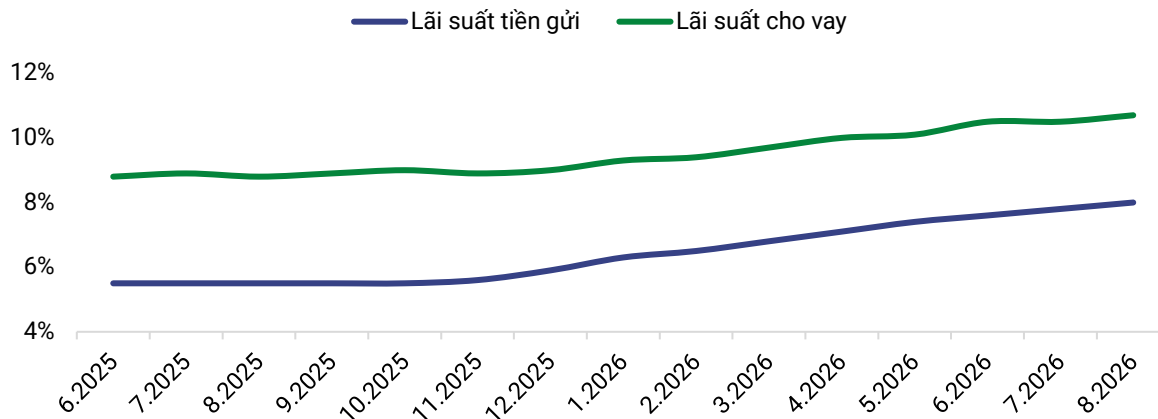
Việc NHNN loại trừ dư nợ từ một số dự án quy mô lớn của Vingroup, Sun Group và Masterise, cùng dư nợ tăng thêm tại nhà ở xã hội, khu công nghiệp và một số loại hình bất động sản khỏi phạm vi kiểm soát, cho thấy cơ chế quản lý tín dụng đang được nới lỏng theo hướng linh hoạt hơn. Thay vì phân bổ room hoàn toàn theo hạn mức cố định, NHNN đang chuyển dần sang quản lý dựa trên mục đích sử dụng vốn và từng nhóm dự án. Cơ chế này tạo thêm địa tăng trưởng tín dụng, đặc biệt đối với các dự án quy mô lớn và lĩnh vực được ưu tiên, qua đó hỗ trợ nhu cầu vốn của nền kinh tế.

Tuy nhiên, việc loại trừ một phần dư nợ khỏi giới hạn kiểm soát cũng đồng nghĩa với mức độ nới lỏng tín dụng cao hơn và rủi ro tập trung lớn hơn, nhất là khi tín dụng bất động sản tiếp tục tăng nhanh. Chúng tôi cho rằng, trong bối cảnh hiện tại, hiệu quả của chính sách sẽ phụ thuộc nhiều hơn vào chất lượng thẩm định, khả năng kiểm soát dòng vốn và năng lực quản trị rủi ro của từng ngân hàng, thay vì chỉ dựa trên hạn mức tín dụng được phân bổ.

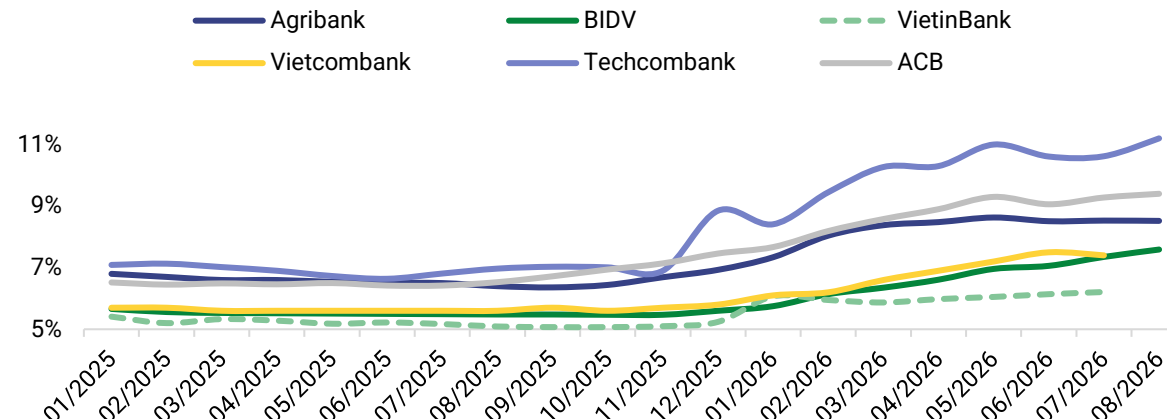
BỐI CẢNH VÀ CHÍNH SÁCH

CÁC NGÂN HÀNG TIẾP TỤC CUỘC ĐUA LÃI SUẤT HUY ĐỘNG

Lãi suất tiền gửi, cho vay bình quân hàng tháng



Lãi suất cho vay bình quân các NHTM tăng mạnh



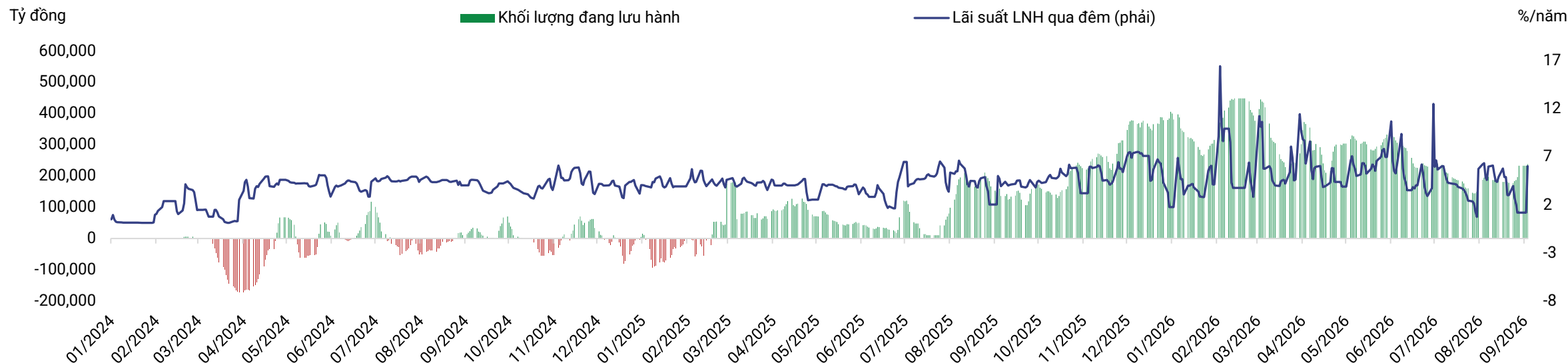
Cuộc đua lãi suất giữa các NHTM đã khiến tiền gửi nhanh chóng quay trở lại hệ thống ngân hàng. Tính tới cuối tháng 22/8/2026, tăng trưởng huy động tiền gửi toàn hệ thống đạt 8.77% so với đầu năm, thu hẹp đáng kể khoảng cách với tăng trưởng tín dụng. Huy động tăng nhanh trong hai tháng qua diễn ra trong bối cảnh các ngân hàng phải chủ động cạnh tranh nguồn vốn thông qua cả tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu, với lãi suất ưu đãi tại một số ngân hàng lên tới 8.5–9.4%/năm.

Tuy nhiên, việc huy động bắt kịp tín dụng về tốc độ tăng trưởng không đồng nghĩa với việc khoảng cách nguồn vốn đã được xử lý. Chênh lệch giữa cho vay và huy động vẫn ở mức rất lớn, ước tính khoảng 2.5 triệu tỷ đồng tại cuối tháng 8/2026. Trong bối cảnh đó, chúng tôi cho rằng, các NHTM sẽ phải đẩy mạnh huy động các nguồn vốn ổn định, đặc biệt là tiền gửi trung và dài hạn, đồng thời gia tăng phát hành giấy tờ có giá để cân đối nguồn vốn. Áp lực cạnh tranh huy động vì vậy khó hạ nhiệt, qua đó khiến mặt bằng lãi suất huy động tiếp tục duy trì ở mức cao và khiến chi phí vốn của hệ thống nhiều khả năng sẽ không cải thiện được trong ngắn hạn.

BỐI CẢNH VÀ CHÍNH SÁCH

THANH KHOẢN HỆ THỐNG NGÂN HÀNG CÓ SỰ CẢI THIẾN

Hoạt động thị trường tiền tệ và lãi suất LNH qua đêm



Thanh khoản hệ thống cải thiện nhưng áp lực chỉ giảm trong ngắn hạn. Sau khi chịu áp lực trong Q2, lãi suất qua đêm liên ngân hàng có thời điểm lên tới 11%/năm vào đầu tháng 6, thanh khoản dần ổn định hơn từ cuối Q2 và đặc biệt cải thiện trong tháng 8. NHNN duy trì vai trò điều tiết chủ động thông qua OMO, linh hoạt bơm – hút vốn theo trạng thái thị trường; đáng chú ý, lãi suất qua đêm giảm từ 5.72%/năm cuối tháng 7 xuống 1.19%/năm vào ngày 27/8, cho thấy áp lực vốn ngắn hạn đã hạ nhiệt đáng kể. Tuy nhiên, mức cải thiện này chủ yếu phản ánh thanh khoản ngắn hạn, trong khi chênh lệch giữa tăng trưởng tín dụng và huy động vẫn lớn, khiến nhu cầu bổ sung nguồn vốn ổn định của các NHTM chưa giảm. Theo đó, chúng tôi cho rằng NHNN sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc điều tiết thanh khoản liên ngân hàng, song áp lực huy động và chi phí vốn vẫn là vấn đề đáng lưu ý đối với hệ thống trong bối cảnh tín dụng dự báo tiếp tục tăng tốc trong những tháng cuối năm.

BỐI CẢNH VÀ CHÍNH SÁCH

MỞ RỘNG DƯ ĐỊA XỬ LÝ NỢ XẤU



Ngày 17/9/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 359/2026/NĐ-CP về thành lập, tổ chức, hoạt động và cơ chế tài chính của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC). Có hiệu lực từ 06/11/2026, Nghị định 359/2026/NĐ-CP mở rộng đáng kể vai trò của VAMC, từ công cụ hỗ trợ làm sạch bảng cân đối sang một đầu mối xử lý và tái cấu trúc tài sản có vấn đề theo cơ chế thị trường. Đáng chú ý nhất là khả năng chuyển nợ mua bằng trái phiếu đặc biệt sang cơ chế giá thị trường, cùng với quyền tái cơ cấu doanh nghiệp, giảm nợ gốc và khai thác, xử lý tài sản bảo đảm.

Việc hoàn thiện khung pháp lý này có ý nghĩa đáng kể trong bối cảnh rủi ro tín dụng của hệ thống đang tích tụ nhưng chưa phản ánh đầy đủ trên tỷ lệ NPL, nợ nhóm 2 và các khoản vay có dấu hiệu suy giảm khả năng trả nợ đang gia tăng, trong khi mặt bằng lãi suất và chi phí vốn cao cùng áp lực thanh khoản kéo dài có thể tiếp tục gây sức ép lên khả năng trả nợ của khách hàng.

STT	Thay đổi trọng tâm của ND 359/2026/NĐ-CP	Tác động chính tới ngành ngân hàng
1	Mở rộng hệ thống công cụ xử lý nợ và tài sản	Tăng khả năng cơ cấu, khai thác, bán và tái cấu trúc tài sản xấu
2	Tăng vai trò của VAMC trong tái cơ cấu doanh nghiệp	Có thể nâng tỷ lệ thu hồi đối với khoản vay của doanh nghiệp còn khả năng phục hồi
3	Mở rộng khả năng đầu tư, góp vốn, mua cổ phần và chuyển nợ thành vốn	Cho phép xử lý mất cân đối tài chính thay vì chỉ xử lý tài sản
4	Mở rộng khai thác/đầu tư/cho thuê tài sản bảo đảm	Tăng giá trị thu hồi, giảm áp lực bán tài sản trong điều kiện thị trường bất lợi
5	Mở rộng đối tượng nợ có thể mua theo giá thị trường	Tăng phạm vi hoạt động của VAMC và phát triển thị trường mua bán nợ
6	Hệ thống hóa cơ chế tài chính và huy động nguồn lực	Tăng khả năng VAMC xử lý khối lượng nợ lớn hơn vốn chủ sở hữu



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG



1H2026

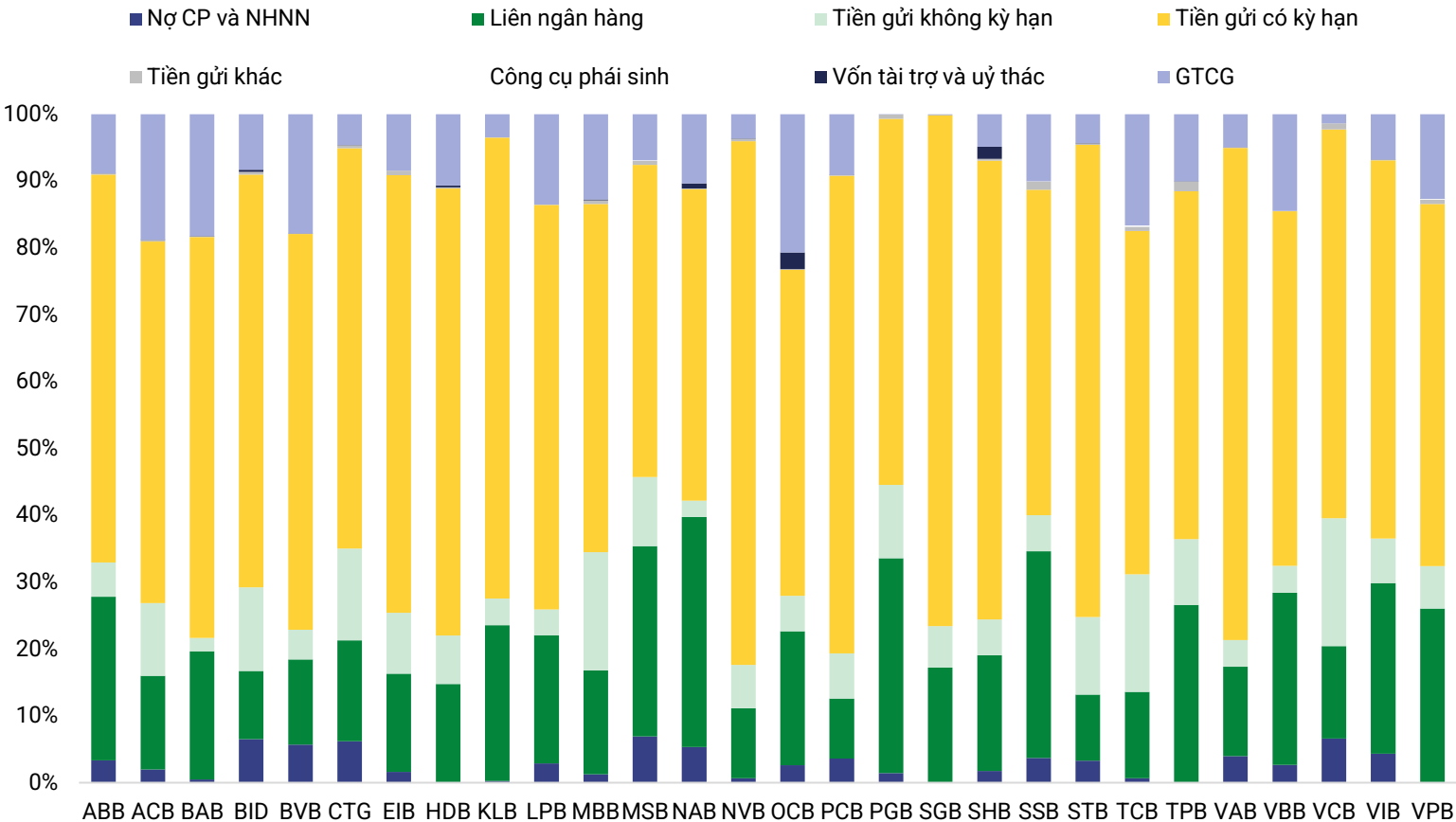
BỨC TRANH BẢNG CÂN ĐỐI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN CÁC NHTM CÓ KHOẢNG CÁCH LỚN



Áp lực huy động đang phân hóa rõ giữa các ngân hàng, trong đó một số ngân hàng có khoảng thiếu hụt nguồn vốn ngày càng lớn do tín dụng tăng nhanh hơn tiền gửi. MBB có chênh lệch tiền gửi-cho vay mở rộng từ -162,651 tỷ đồng cuối 2025 lên -214,644 tỷ đồng Q1 và -263,739 tỷ đồng Q2/2026, khi tín dụng tăng 9.5% nhưng tiền gửi chỉ tăng 6.4%. VPB cũng ghi nhận xu hướng tương tự, với chênh lệch tăng từ -315,857 tỷ đồng lên -358,198 tỷ đồng và -428,514 tỷ đồng, trong khi tín dụng tăng 11.6%, cao hơn 4.3 điểm % so với tiền gửi. MSB và TPB cũng có chênh lệch mở rộng trong Q2 lần lượt từ -8,537 tỷ đồng lên -25,746 tỷ đồng và từ -26,766 tỷ đồng lên -49,671 tỷ đồng. Các ngân hàng này đồng thời có tỷ trọng vốn liên ngân hàng cao, đạt 30.6% tại MSB, 26.6% tại TPB và 26.1% tại VPB, cho thấy một phần nhu cầu vốn đang phải được bù đắp bằng nguồn vốn thị trường có tính ổn định thấp hơn tiền gửi khách hàng.

Cơ cấu các nguồn huy động của các NHTM tại Q2/2026



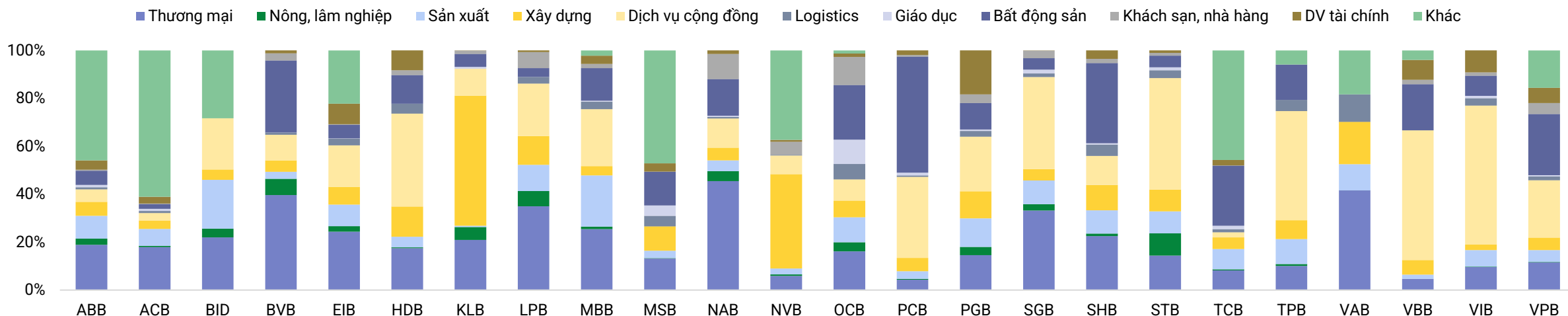
BỨC TRANH BẢNG CÂN ĐỐI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN CÁC NHTM CÓ KHOẢNG CÁCH LỚN

Cơ cấu cho vay cho thấy áp lực lên bộ đệm vốn có sự khác biệt đáng kể giữa các ngân hàng. Một số ngân hàng như SHB, VPB và TCB có tỷ trọng cho vay bất động sản và dịch vụ tài chính, những nhóm tài sản có hệ số rủi ro cao, ở mức lần lượt 37.0%, 31.8% và 27.4% tổng dư nợ. Khi tín dụng tiếp tục mở rộng vào các nhóm này, tài sản có rủi ro (RWA) sẽ tăng nhanh hơn so với trường hợp danh mục tập trung vào các khoản vay có hệ số rủi ro thấp hơn, từ đó gây áp lực lên CAR và thu hẹp dư địa tăng trưởng tín dụng nếu vốn tự có không được bổ sung tương ứng.

Ngược lại, chúng tôi đánh giá MBB có cơ cấu tín dụng tương đối lành mạnh với danh mục được phân bổ khá đồng đều giữa các nhóm thương mại, sản xuất và dịch vụ. Cơ cấu này giúp MBB giảm sự phụ thuộc vào các nhóm tài sản có hệ số rủi ro cao và hạn chế áp lực lên CAR trong quá trình mở rộng bảng cân đối. Đây là lợi thế đáng kể trong bối cảnh tăng trưởng tín dụng toàn ngành đang ở mức cao, đồng thời yêu cầu về vốn ngày càng trở thành yếu tố giới hạn khả năng mở rộng tài sản của các ngân hàng.

Cơ cấu cho vay theo nhóm ngành của các NHTM tại Q2/2026

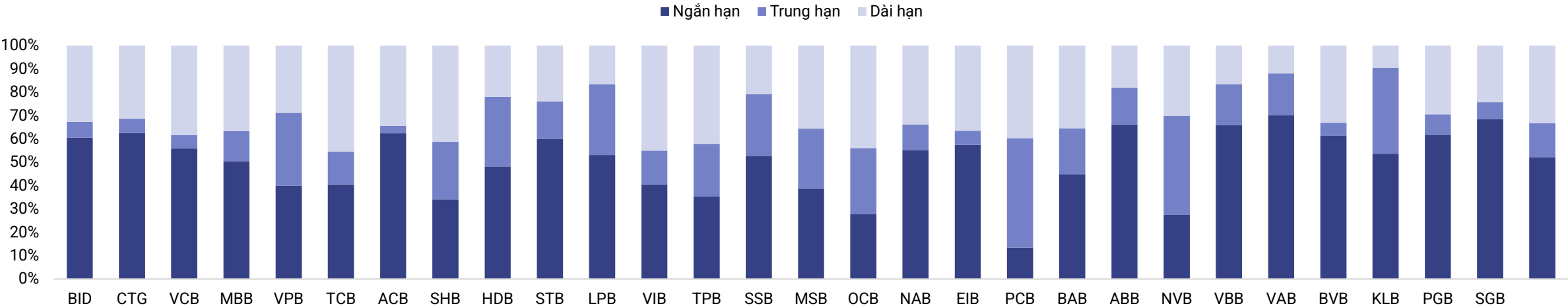


BỨC TRANH BẢNG CÂN ĐỐI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN CÁC NHTM CÓ KHOẢNG CÁCH LỚN



Cơ cấu cho vay theo kỳ hạn của các NHTM tại Q2/2026



Rủi ro chênh lệch kỳ hạn đang tập trung tại nhóm ngân hàng sử dụng tỷ trọng tương đối lớn nguồn vốn ngắn hạn và không kỳ hạn để tài trợ cho danh mục cho vay trung dài hạn. VPB, VIB và TCB có tỷ trọng cho vay trung dài hạn lần lượt 60.0%, 59.5% và 59.4% dư nợ, trong khi nguồn huy động ngắn hạn và không kỳ hạn chiếm tương ứng 32.4%, 36.5% và 31.2% tổng nguồn vốn. Mức độ lệch kỳ hạn còn rõ hơn tại SHB và MSB, khi cho vay trung dài hạn chiếm 65.8% và 61.2% dư nợ, trong khi tỷ trọng nguồn vốn ngắn hạn và không kỳ hạn lần lượt là 24.4% và 45.7%. Đây là nhóm có nhu cầu tái tạo nguồn vốn thường xuyên cao hơn để duy trì các khoản cho vay dài hạn, qua đó làm gia tăng rủi ro thanh khoản khi điều kiện huy động thay đổi.

Áp lực này đáng lưu ý hơn tại các ngân hàng đang tăng tín dụng nhanh nhưng huy động chưa theo kịp. VPB và MBB có chênh lệch tín dụng – tiền gửi lớn, tín dụng tăng 11.6% và 9.5%, cao hơn huy động 7.3% và 6.4%. Trong khi đó, GTCTG chiếm 12.7% nguồn vốn tại VPB và 12.9% tại MBB, cho thấy nhu cầu bổ sung nguồn vốn ngoài tiền gửi đã tương đối lớn. Chúng tôi cho rằng, nhóm các NHTM có chênh lệch kỳ hạn lớn như VPB, VIB, TCB, SHB và MSB sẽ chịu áp lực duy trì nguồn vốn ổn định với chi phí cao hơn, qua đó hạn chế dư địa cải thiện NIM.



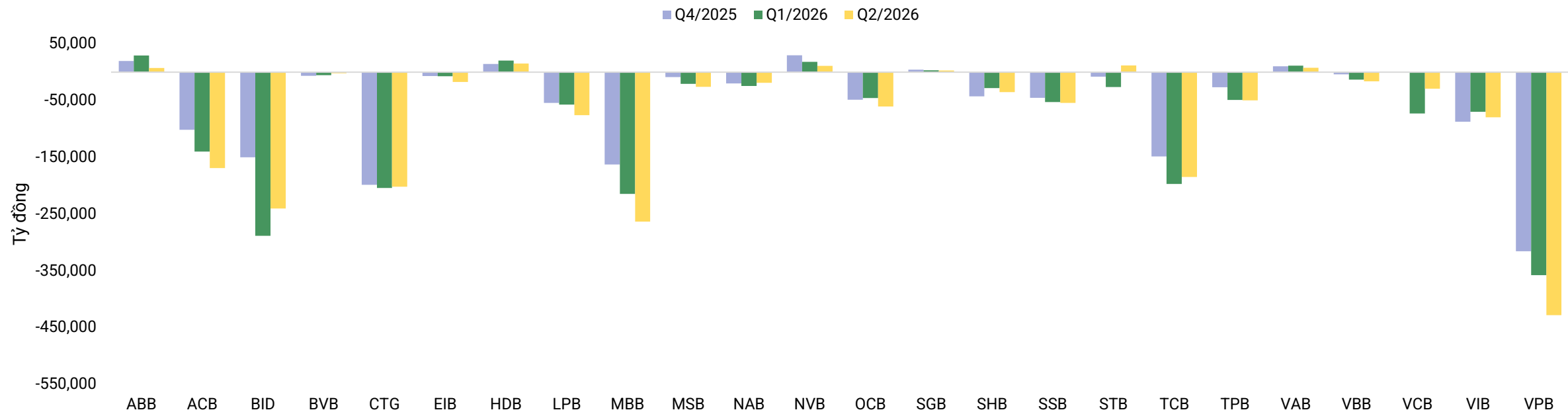
BỨC TRANH BẢNG CÂN ĐỐI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN CÁC NHTM CÓ KHOẢNG CÁCH LỚN



Ngược lại, một số ngân hàng đang cải thiện khả năng tự tài trợ cho tăng trưởng tín dụng. Tại thời điểm cuối Q2/2026, TCB có tiền gửi tăng 10.4%, cao hơn đáng kể mức tăng tín dụng 6.3%, giúp chênh lệch thu hẹp từ -197,056 tỷ đồng Q1 xuống -184,888 tỷ đồng Q2; CASA đạt 33.8%, thuộc top cao nhất hệ thống, tạo lợi thế về nguồn vốn giá rẻ. BID cũng thu hẹp chênh lệch từ -288,649 tỷ đồng xuống -240,318 tỷ đồng, trong khi tiền gửi tăng 5.6%, cao hơn tín dụng 3.0%. VCB có mức cải thiện mạnh hơn khi chênh lệch giảm từ -72,894 tỷ đồng Q1 xuống -29,348 tỷ đồng Q2, nhờ tín dụng chỉ tăng 0.2% trong khi tiền gửi tăng 2.8%; CASA đạt 32.3% và GTCG chỉ chiếm 1.4% tổng nguồn vốn.

Chênh lệch tiền gửi-cho vay khách hàng của các Ngân hàng niêm yết diễn biến kém tích cực



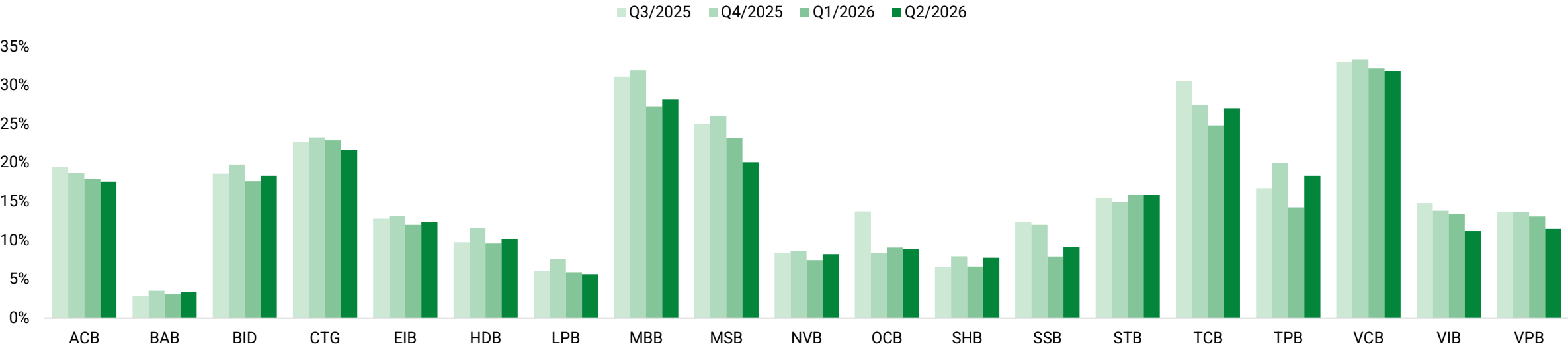
BỨC TRANH BẢNG CÂN ĐỐI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI



CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN CÁC NHTM CÓ KHOẢNG CÁCH LỚN

CASA tiếp tục chịu áp lực khi mặt bằng lãi suất huy động tăng, thúc đẩy khách hàng dịch chuyển từ tiền gửi không kỳ hạn sang tiền gửi có kỳ hạn. Từ cuối 2025 đến Q2/2026, CASA giảm tại đa số các ngân hàng thương mại, đáng chú ý MSB giảm 6.01 điểm %, MBB giảm 3.77 điểm %, VIB giảm 2.59 điểm % và VPB giảm 2.16 điểm %. Diễn biến này làm tăng tỷ trọng nguồn vốn có chi phí cao, qua đó gây áp lực lên COF và NIM, đặc biệt tại các ngân hàng vừa có CASA suy giảm vừa tăng trưởng tín dụng nhanh hơn huy động. MBB là trường hợp đáng chú ý khi tín dụng tăng 9.5% nhưng tiền gửi chỉ tăng 6.4%; tương tự, MSB ghi nhận mức tăng tín dụng 7.3%, cao hơn tăng trưởng tiền gửi 5.6%. Ngược lại, VCB duy trì CASA 31.81%, chỉ giảm 1.56 điểm % so với cuối 2025, giúp ngân hàng có lợi thế tương đối về chi phí vốn. Nhìn chung, nếu mặt bằng lãi suất tiếp tục duy trì ở mức cao, COF khó giảm nhanh và dư địa cải thiện NIM sẽ bị hạn chế, khiến lợi thế CASA tiếp tục là yếu tố quan trọng trong phân hóa hiệu quả sinh lời giữa các ngân hàng.

CASA có xu hướng giảm trong bối cảnh lãi suất huy động tăng

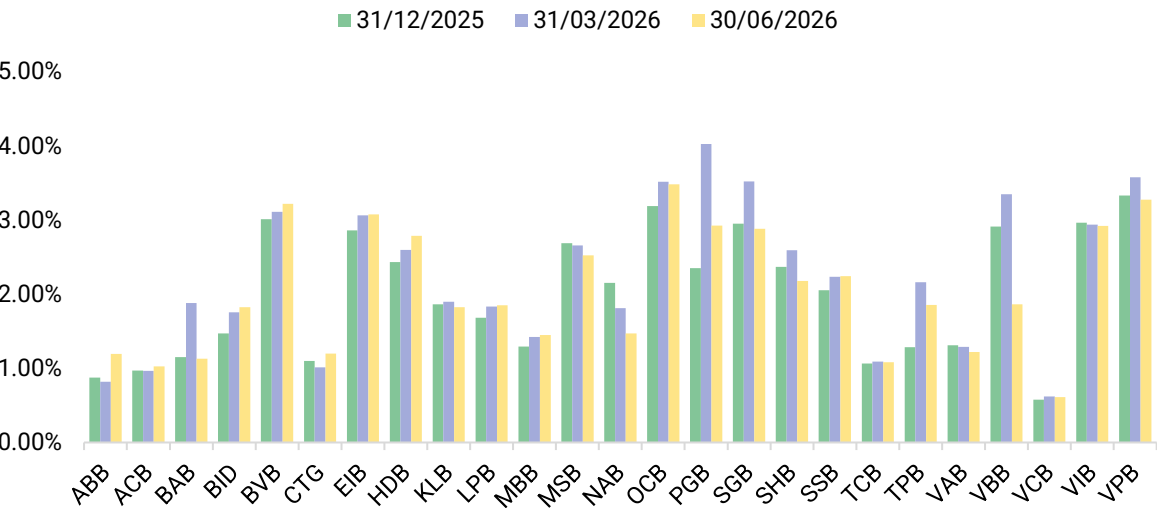


BỨC TRANH BẢNG CÂN ĐỐI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

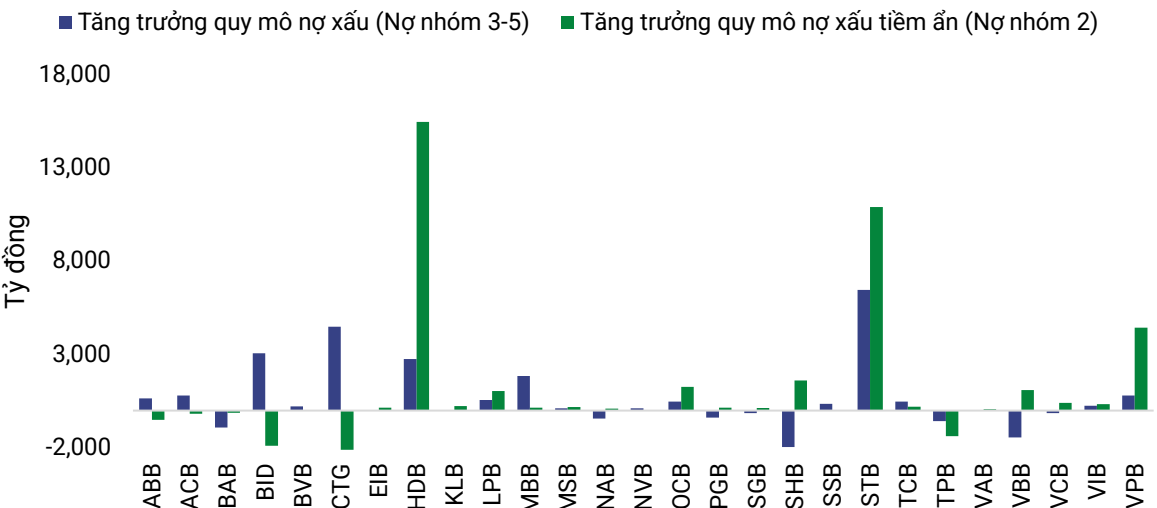
CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN CÁC NHTM CÓ KHOẢNG CÁCH LỚN



Diễn biến nợ xấu phân hoá giữa các Ngân hàng



Quy mô nợ xấu tiềm ẩn tăng cục bộ tại một số ngân hàng



Rủi ro chất lượng tài sản gia tăng khi nợ xấu tiềm ẩn tiếp tục tích tụ. Tổng nợ xấu/Dư nợ cho vay khách hàng của 27 ngân hàng niêm yết duy trì ở mức 2.0% trong Q2/2026, tương đương Q1, nhưng diễn biến này chưa phản ánh đầy đủ áp lực nợ xấu của hệ thống ngân hàng khi tỷ lệ nợ nhóm 2 đã tăng từ 1.23% (Q1/2026) lên 1.40% (Q2/2026). Nợ xấu cũng phân hóa mạnh giữa các ngân hàng: trong Q2, NPL giảm đáng kể tại PGB (4.03% xuống 2.93%), VBB (3.35% xuống 1.87%) và TPB (2.17% xuống 1.86%), nhưng tiếp tục tăng tại STB (6.62% lên 7.54%), HDB (2.60% lên 2.79%) và BVB (3.11% lên 3.22%).

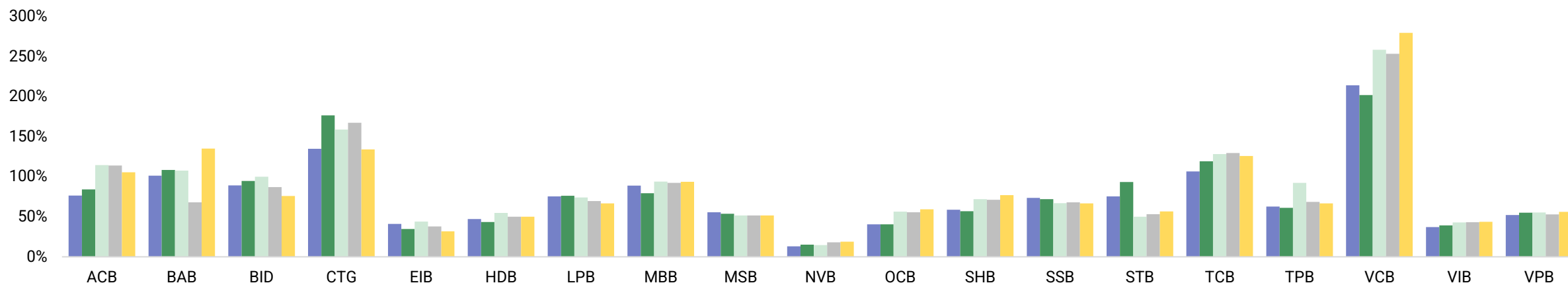
Tính từ đầu năm, NPL vẫn tăng tại 16/27 ngân hàng, cho thấy áp lực chất lượng tài sản chưa được giải quyết trên diện rộng. Trong bối cảnh mặt bằng lãi suất duy trì ở mức cao, chi phí tài chính của doanh nghiệp và hộ gia đình tiếp tục chịu áp lực, làm gia tăng khả năng các khoản vay đang ở nhóm 2 chuyển thành nợ xấu nếu khả năng phục hồi dòng tiền không đủ nhanh. Rủi ro này đặc biệt đáng lưu ý tại các ngân hàng đang đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng và có tỷ trọng cho vay các phân khúc nhạy cảm với lãi suất cao.

BỨC TRANH BẢNG CÂN ĐỐI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN CÁC NHTM CÓ KHOẢNG CÁCH LỚN

Tỷ lệ bao phủ nợ xấu các NHTM

■ Q2 2025 ■ Q3 2025 ■ Q4 2025 ■ Q1 2026 ■ Q2 2026



Khả năng hấp thụ rủi ro của các ngân hàng có sự phân hóa rõ trong Q2/2026, khi tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) giảm tại nhiều ngân hàng trong khi nợ xấu tại một số ngân hàng tiếp tục tăng. Đáng chú ý, so với quý trước, BID ghi nhận NPL tăng từ 1.76% lên 1.83% nhưng LLR giảm từ 86.9% xuống 75.9%; CTG có NPL tăng từ 1.02% lên 1.20% trong khi LLR giảm từ 167.2% xuống 134.0%. Diễn biến này cho thấy bộ đệm dự phòng đang thu hẹp trong khi rủi ro tín dụng chưa giảm, qua đó phản ánh xu hướng thận trọng hơn trong trích lập tại một số ngân hàng.

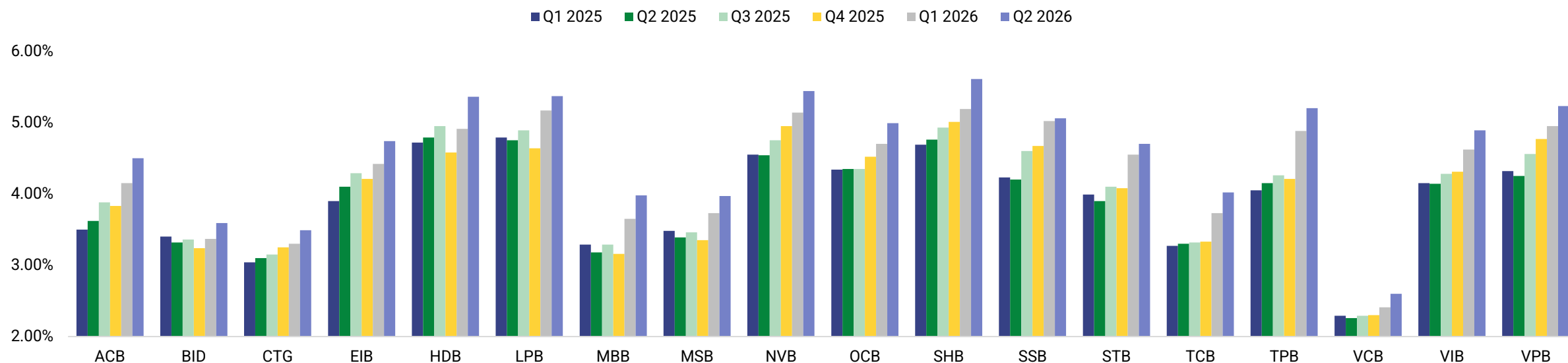
Ngược lại, VCB tiếp tục củng cố bộ đệm khi LLR tăng từ 253.4% lên 279.3%, trong bối cảnh NPL duy trì rất thấp ở 0.61%; MBB cũng tăng LLR từ 92.2% lên 93.6% trong khi NPL chỉ tăng nhẹ lên 1.45%. Đáng lưu ý, nợ nhóm 2 của toàn nhóm tăng từ 1.23% lên 1.40%, với quy mô lớn tại VPB (36,760 tỷ đồng), HDB (30,969 tỷ đồng) và BID (30,581 tỷ đồng). Do đó, tại các ngân hàng có LLR thấp và nợ nhóm 2 lớn, dư địa hấp thụ tổn thất trong trường hợp nợ xấu tiếp tục hình thành sẽ hạn chế hơn, đồng thời rủi ro chi phí tín dụng tăng trong các quý tới cũng cao hơn.

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG PHÂN HOÁ

COF CỦA CÁC NGÂN HÀNG TĂNG LÀM THU HẸP BIÊN LỢI NHUẬN

Chi phí huy động vốn của các NHTM tiếp tục tăng rõ rệt trong Q2/2026, phản ánh tác động của mặt bằng lãi suất huy động cao và cạnh tranh nguồn vốn gia tăng. Đa số các ngân hàng ghi nhận COF tăng theo quý, trong đó mức tăng đáng kể tại HDB (+45bps lên 5.36%), SHB (+42bps lên 5.61%), ACB (+35bps lên 4.50%) và TPB (+32bps lên 5.20%). So với Q4/2025, COF cũng tăng tại hầu hết ngân hàng, cho thấy áp lực chi phí vốn đã kéo dài từ đầu năm thay vì chỉ diễn ra trong một quý. Diễn biến này đồng thời đi kèm xu hướng CASA suy giảm khi khách hàng có xu hướng chuyển sang tiền gửi có kỳ hạn để hưởng mức lãi suất cao hơn. Chẳng hạn, MBB, MSB và VIB có CASA giảm lần lượt 3.77, 6.01 và 2.59 điểm % so với cuối 2025, trong khi COF tăng tương ứng 82bps, 62bps và 58bps. Ngược lại, VCB duy trì CASA cao ở 31.81% và COF thấp nhất nhóm ở 2.60%, cho thấy lợi thế rõ rệt về nguồn vốn giá rẻ. Theo chúng tôi, khi mặt bằng lãi suất huy động chưa có dư địa giảm đáng kể, COF sẽ tiếp tục là yếu tố gây sức ép lên NIM trong H2/2026, đặc biệt tại các ngân hàng có CASA thấp hoặc đang phải đẩy mạnh huy động để đáp ứng tăng trưởng tín dụng.

Chi phí huy động vốn của các NHTM tăng mạnh trong Q2/2026 dưới áp lực của cuộc đua lãi suất



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG PHÂN HOÁ

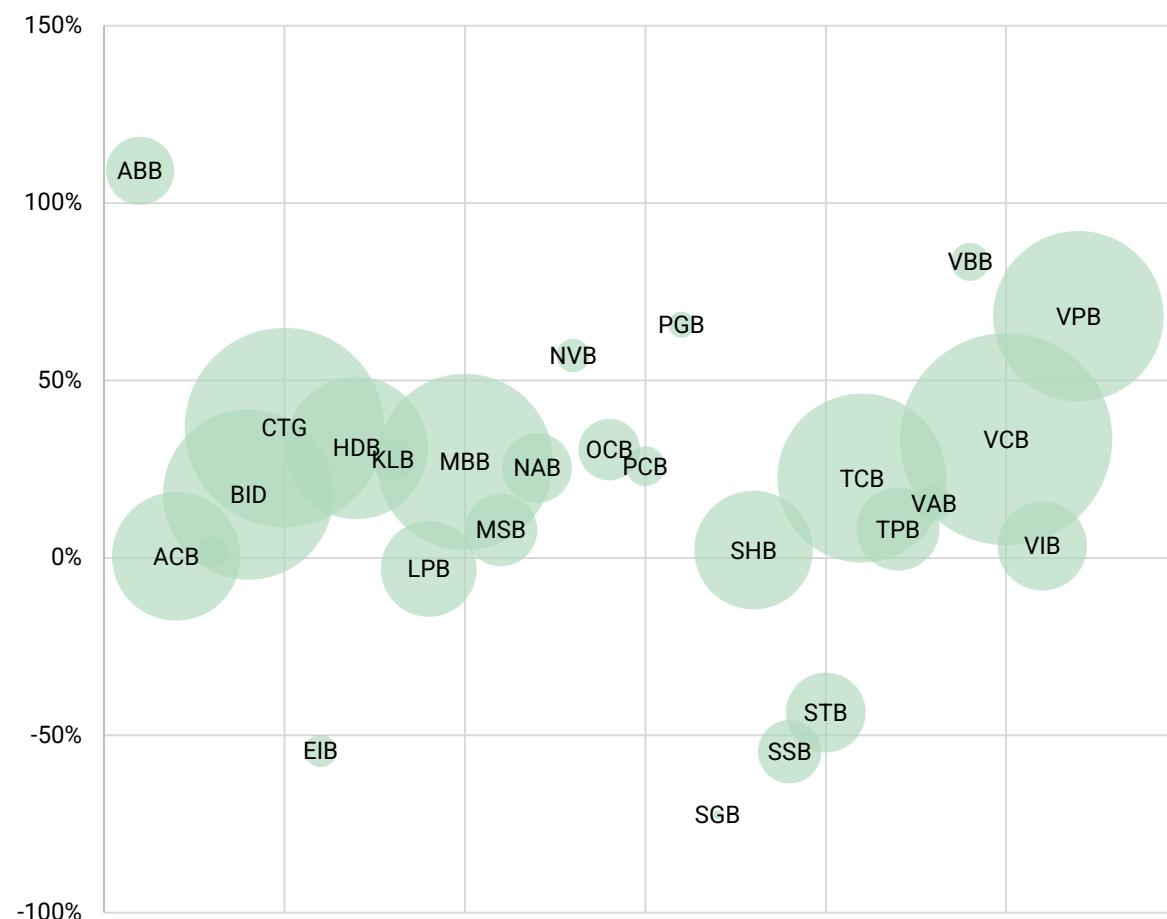
LỢI NHUẬN NGÀNH NGÂN HÀNG TĂNG HƠN THU NHẬP

Kết quả kinh doanh 6T/2026 cho thấy tăng trưởng lợi nhuận có sự phân hóa rõ hơn so với tăng trưởng thu nhập. Trong 28 ngân hàng niêm yết, tổng thu nhập hoạt động tăng trưởng với trung vị 13.3%, với phần lớn ngân hàng tập trung trong vùng 5–20%, trong khi LNTT tăng trưởng với trung vị 24.5%. Đáng chú ý, lợi nhuận tăng nhanh hơn tổng thu nhập hoạt động tại nhiều ngân hàng, cho thấy hiệu quả hoạt động được cải thiện. Nhóm nổi bật gồm VCB, VPB, CTG, HDB và MBB, với LNTT tăng 27–68%, trong khi tổng thu nhập hoạt động tăng khoảng 9–35%.

Ở chiều ngược lại, một số ngân hàng ghi nhận tổng thu nhập hoạt động tăng nhưng lợi nhuận suy giảm, như STB (TOI +12.3%, LNTT -44%), LPB (TOI +16.8%, LNTT -3%). Điều này cho thấy tăng trưởng thu nhập chưa đảm bảo tăng trưởng lợi nhuận khi chi phí hoạt động, chi phí dự phòng của những ngân hàng này tăng với tốc độ nhanh hơn tốc độ tăng trưởng thu nhập và NIM tiếp tục thu hẹp. Nhìn chung, KQKD 6T/2026 đang cho thấy sự phân hóa ngày càng rõ về chất lượng tăng trưởng, thể hiện ở việc nhóm ngân hàng có khả năng kiểm soát chi phí và rủi ro tín dụng tốt đang chuyển hóa tăng trưởng thu nhập thành lợi nhuận hiệu quả hơn.

Bên cạnh đó, EIB, SGB ghi nhận cả thu nhập và lợi nhuận đều suy giảm so với cùng kỳ do hiệu quả kinh doanh kém ở cả mảng tín dụng và phi tín dụng, kết hợp với NIM thu hẹp và chi phí dự phòng tăng mạnh.

Tăng trưởng LNTT và quy mô lợi nhuận các NHTM 1H2026



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG PHÂN HOÁ

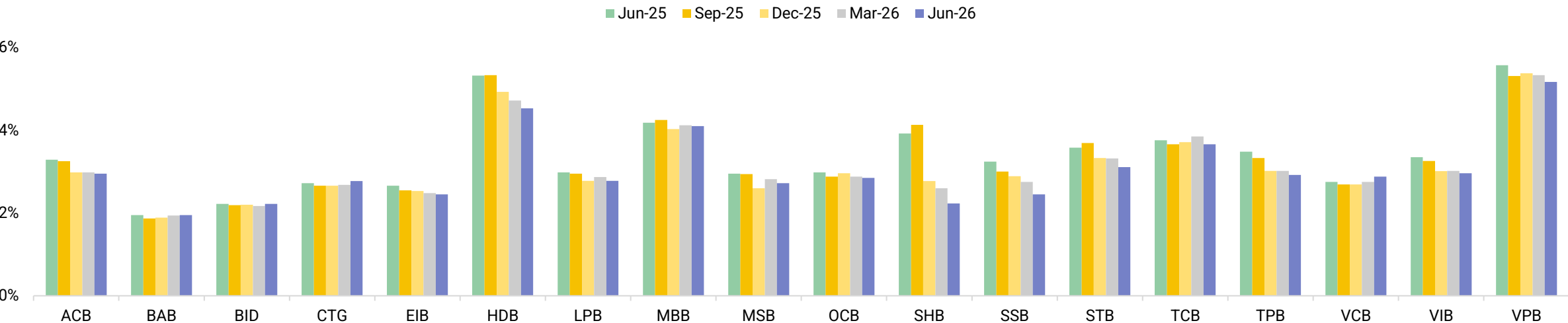
NIM NHÓM SOBS CẢI THIỆN SỚM



NIM bước đầu tạo đáy nhưng diễn biến phân hóa mạnh giữa các nhóm ngân hàng. Sau xu hướng suy giảm kéo dài từ 2024, NIM của nhóm NHTM quốc doanh đã xuất hiện tín hiệu cải thiện trong Q2/2026, với VCB, CTG và BID tăng lần lượt 13bps, 9bps và 5bps theo quý lên 2.88%, 2.77% và 2.22%. Đáng chú ý, NIM của VCB và CTG đã vượt mức cuối năm 2025, cho thấy áp lực co hẹp biên lãi ròng tại nhóm ngân hàng quốc doanh đã bước đầu đảo chiều.

Ngược lại, NIM tại nhóm NHTM cổ phần nhìn chung vẫn đi ngang hoặc tiếp tục giảm. MBB gần như ổn định ở 4.10% trong 2 quý đầu năm, trong khi HDB, TCB và VPB cùng giảm 16–19bps. Trong khi đó, các ngân hàng quy mô trung bình và nhỏ như SHB và SSB giảm lần lượt 37bps và 30bps trong Q2. Diễn biến này cho thấy vùng đáy NIM của hệ thống chưa hình thành đồng đều khi nhóm Ngân hàng thương mại quốc doanh đang hưởng lợi sớm hơn từ sự cải thiện của chi phí vốn và cơ cấu tài sản còn các NHTM cổ phần vẫn chịu áp lực từ cạnh tranh huy động và chi phí vốn cao.

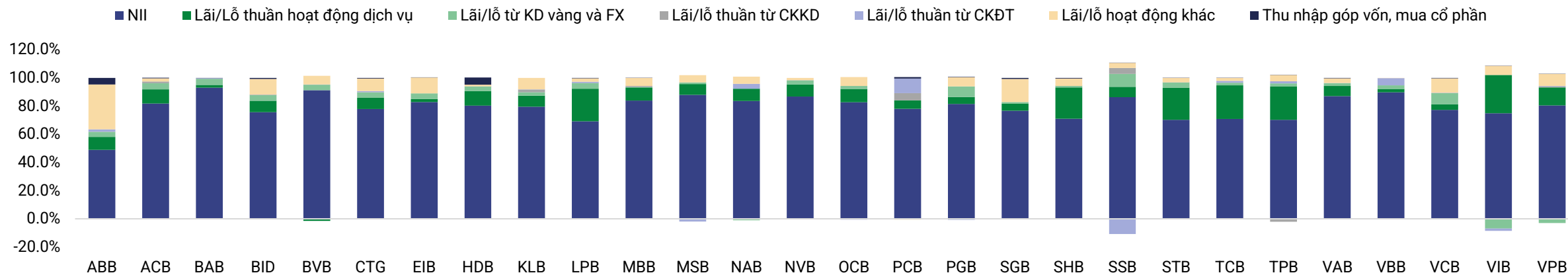
Biên lãi thuần nhóm NHTM quốc doanh cải thiện sớm trong khi các NHTM tư nhân vẫn đang ở vùng đáy



CƠ CẤU THU NHẬP TÁC ĐỘNG LỚN TỚI TĂNG TRƯỞNG

ƯU THẾ THUỘC VỀ CÁC NHTM CÓ NGUỒN THU ĐA DẠNG

Cơ cấu thu nhập hoạt động của các ngân hàng thương mại 6 tháng đầu năm 2026



Cơ cấu thu nhập đang trở thành yếu tố quan trọng tạo ra sự phân hóa tăng trưởng lợi nhuận trong bối cảnh NIM của nhóm NHTM cổ phần đang ở vùng đáy. NIM vẫn là nền tảng chính đối với các ngân hàng có tỷ trọng NII cao, đặc biệt như VPB, HDB và MBB. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng NIM cao của ba ngân hàng này có sự đóng góp đáng kể từ mảng tài chính tiêu dùng, vốn có mức sinh lời cao hơn nhưng đồng thời cũng nhạy cảm hơn với chu kỳ tín dụng và chất lượng tài sản. Trong bối cảnh mặt bằng lãi suất duy trì ở mức cao, áp lực lên khả năng trả nợ của khách hàng có thể khiến nợ xấu gia tăng, trong khi tốc độ mở rộng dư nợ tài chính tiêu dùng khó duy trì ở mức cao. Điều này có thể hạn chế dư địa mở rộng NIM và làm gia tăng chi phí tín dụng tại các ngân hàng có tỷ trọng tài chính tiêu dùng lớn.

Do đó, khi NIM đang ở vùng đáy, cơ cấu thu nhập ngoài lãi trở thành yếu tố quan trọng hơn trong việc duy trì tăng trưởng lợi nhuận. TCB, LPB, SHB, STB và TPB có tỷ trọng thu nhập dịch vụ trên 20% TOI, nhưng hiệu quả chuyển hóa thành lợi nhuận khác biệt đáng kể: TCB ghi nhận LNTT tăng 22%, trong khi SHB chỉ tăng 2%, LPB giảm 3% và STB giảm 44%. Chúng tôi cho rằng, trong nửa cuối năm 2026, lợi thế sẽ thuộc về những ngân hàng vừa duy trì được NIM ở mức hợp lý, vừa có khả năng mở rộng thu nhập ngoài lãi và kiểm soát tốt chi phí tín dụng, thay vì đơn thuần là những ngân hàng có NIM cao.

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Trần Anh Tuấn, CFA

Giám đốc Trung tâm Phân tích

Email: tuanta@psi.vn

Đặng Trần Hải Đăng

Phó Giám đốc Trung tâm Phân tích

Email: dangdth@psi.vn

Phòng Phân tích

Phạm Hoàng

Trưởng Bộ phận Phân tích Doanh nghiệp

Email: phamhoang@psi.vn

Nguyễn Thị Thu Trang

Chuyên viên cao cấp

Email: trangntt@psi.vn

Nguyễn Ngọc Hải

Chuyên viên cao cấp

Email: hainn@psi.vn

Vũ Thị Ngọc Lê

Trưởng Bộ phận Kinh tế vĩ mô và Chiến lược thị trường

Email: levtn@psi.vn

Tô Quốc Bảo

Chuyên viên cao cấp

Email: baotq@psi.vn

Nguyễn Thảo Nguyên

Chuyên viên cao cấp

Email: nguyennt@psi.vn

Phòng Truyền thông

Vũ Huyền Hà My

Phó Phòng Truyền thông

Email: myvhh@psi.vn

Cao Thuỳ Linh

Chuyên viên cao cấp

Email: linhct@psi.vn

Phan Anh Ngọc

Chuyên viên cao cấp

Email: ngocpa@psi.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

-  Tầng 2, Toà nhà Hanoi Tourist, 18 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, TP. Hà Nội
-  (84) 3934 3888
-  (84) 3934 3888
-  www.psi.vn

CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH

-  Lầu 1, Toà nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, TP. HCM
-  (84-8) 3914 6789
-  (84-8) 3914 6969

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

-  Tầng G và Tầng 2, Toà nhà PVcombank Đà Nẵng, Lô A2.1, Đường 30/4, Phường Hoà Cường, TP. Đà Nẵng
-  (84-236) 3899 338
-  (84-236) 3899 338

CHI NHÁNH VŨNG TÀU

-  Tầng 5, Toà nhà Silver Sea, 47 Ba Cu, Phường Vũng Tàu, TP. HCM
-  (84-254)625 4520/22
-  (84-254)625 4521

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Báo cáo phân tích này được thực hiện bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo chung cho các nhà đầu tư. Báo cáo này không cấu thành một lời chào mời mua, bán, hay đăng ký bất kỳ sản phẩm tài chính hoặc chứng khoán nào được đề cập trong đây.

Các thông tin, phân tích, nhận định và quan điểm trình bày trong báo cáo này chỉ mang tính chất tham khảo và không nhằm mục đích thay thế cho việc đánh giá và đưa ra quyết định đầu tư độc lập của nhà đầu tư. PSI khuyến nghị nhà đầu tư nên tự thực hiện đánh giá hoặc tham khảo ý kiến tư vấn chuyên nghiệp phù hợp với mục tiêu đầu tư, khả năng tài chính và mức độ chấp nhận rủi ro của bản thân trước khi đưa ra bất kỳ quyết định đầu tư nào.

Các thông tin được sử dụng trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn mà PSI cho là đáng tin cậy và có sẵn công khai tại thời điểm công bố. Tuy nhiên, PSI không đảm bảo và không chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời hoặc phù hợp cho bất kỳ mục đích cụ thể nào của các thông tin đó. Các thông tin và quan điểm có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Mọi thông tin hoặc dữ liệu về hiệu suất trong quá khứ của bất kỳ chứng khoán hoặc thị trường nào được đề cập trong báo cáo này không phải là chỉ báo đáng tin cậy về kết quả hoặc hiệu suất trong tương lai. Đầu tư vào chứng khoán luôn tiềm ẩn rủi ro, bao gồm rủi ro mất vốn.

PSI, các công ty liên kết, các cổ đông, giám đốc, cán bộ quản lý và nhân viên của PSI sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất, thiệt hại (trực tiếp, gián tiếp, ngẫu nhiên hoặc hậu quả) hoặc chi phí nào phát sinh từ việc sử dụng, hoặc dựa vào các thông tin và quan điểm trong báo cáo này.

PSI hoặc các công ty liên kết của PSI, cũng như các nhân viên tham gia lập báo cáo này, có thể có hoặc đã có các vị thế trong các chứng khoán được đề cập, hoặc có thể đã cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tư vấn tài chính, hoặc các dịch vụ khác cho các tổ chức phát hành chứng khoán đó.